

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm, bà Vũ Thị Bền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 298/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Nh, sinh ngày 08/02/1994; CCCD số 030194003652 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu dân cư số 7, đặc khu C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được chị Nhung ủy quyền giao, nhận văn bản: Anh Đoàn Hồng H, sinh 1990, địa chỉ: Số nhà 18, đường Thanh Khang, tổ dân phố Khang Thọ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn D, sinh ngày 15/5/1991; CCCD số 030091008963 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/9/2020; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn , xã T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án,

nguyên đơn chị Phan Thị Nh trình bày: Chị và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 28/10/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh D. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, lối sống, cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và chăm sóc con cái đều không hợp nhau. Đầu năm 2015 anh chị thống nhất chuyển vào C sinh sống, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2016 anh D chuyển về T sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên cũng động viên, hòa giải và khuyên bảo nhưng không có kết quả. Năm 2020, anh D đi lao động tại Đài Loan, nhưng không thông báo cho chị Nh biết. Hiện tại anh chưa về nước, chị Nh xác định vợ chồng mỗi người sống một nơi, tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Bảo Ng, sinh ngày 02/02/2014. Hiện cháu Ng đang sinh sống, học tập cùng với chị tại khu 7, đặc khu C, thành phố Hồ Chí Minh. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh Dương phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, công việc bận nên chị ủy quyền cho anh Đoàn Hồng H thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị Nh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D. Bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Dương ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh D vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết. Thông qua gia đình anh D trình bày: anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tổ chức được cuộc sống chung phù hợp. Chị Nh muốn sống ở Côn Đảo nên năm 2015 vợ chồng chuyển vào C, nhưng cuộc sống không phù hợp, vợ chồng không hòa thuận, tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 anh D chuyển về T sống. Từ đó chị Nh không ra ngoài Bắc, không liên lạc, không quan tâm đến anh D cũng như gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống ly thân từ đó, năm 2020 anh Dương đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng cũng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, chị Nh xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị Nhung trình bày là đúng, anh nhất trí để chị Nhung được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con

trưởng thành. Tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị Nh, anh D là cháu Đỗ Thị Bảo Ng có nguyện vọng được ở với chị Nh.

Theo xác minh tại thôn Bích Đồng, xã T: Chị Nh, anh D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Dương được một thời gian ngắn thì chuyển vào Côn Đảo sống, sau đó một mình anh Dương về Tứ Kỳ, chị Nhung vẫn ở trong Côn Đảo. Năm 2020, anh Dương đi lao động ở Đài Loan không có mặt tại Việt Nam. Anh chị sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay chị Nhung có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Người được chị Nh ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Đoàn Hồng H trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị Nh, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị Nhung biết, chị Nh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 328 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Nh ly hôn anh Đỗ Văn D.

Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Bảo Ng cho chị Nh chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công

khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Đỗ Văn D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng, hiện anh D đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H là mẹ đẻ anh D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nh và anh D. Bà H vẫn liên lạc với anh D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nh và anh D.

[1.3] Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Nh và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 28/10/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2015 anh chị vào Côn Đảo sinh sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2016 anh Dương chuyển về Tứ Kỳ sống, còn chị Nh vẫn ở C, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi. Năm 2020 anh D đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Tình cảm nguội lạnh dần và không còn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị Nhung có đơn xin ly hôn, anh Dương cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nhung và anh Dương đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nh, anh D có 01 con chung là: Đỗ Thị Bảo Ng, sinh ngày 02/02/2014, hiện đang ở với chị Nh. Chị Nh và anh D cùng có quan điểm thống nhất giao con Đỗ Thị Bảo Ng cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Chị Nh tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, quan điểm của anh chị phù hợp với

thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Dương hiện đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con Đỗ Thị Bảo Ng là con gái cần có sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ. Do vậy cần giao con Đỗ Thị Bảo Ng cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh, anh D cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Nh phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 328; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Nh, xử cho chị Phan Thị Nh ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ Thị Bảo Ng, sinh ngày 13/8/2016 cho chị Phan Thị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Nh phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0005980 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (do anh Đoàn Hồng Hải nộp thay). Chị Nh đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Nh được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, anh Đỗ Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng;
- UBND xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện